

CTY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GD NAM ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
năm 2015

Nơi gửi :- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
-Ủy ban chứng khoán nhà nước
-Lưu

Nam Định , ngày 15 tháng 4 năm 2016

NĂM BÁO CÁO 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát :

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Tên tiếng Anh: Nam Dinh Educational Book and Equipment Joint Stock Company

- Tên viết tắt: NABECO



- Logo:

- Trụ sở: 13 Minh Khai – P Nguyễn Du, TP Nam Định - Tỉnh Nam Định

- Điện thoại: (0350) 3839 121 Fax: (0350) 839 121

- Đăng ký kinh doanh số: 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 02 tháng 7 năm 2014, đăng ký thay đổi lần 2.

Thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 4 năm 2015, thay đổi lần thứ 4 ngày 27 tháng 11 năm 2015

- Vốn điều lệ: 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu lăm tỷ)

- Mã chứng khoán *DST*.

- Website : Sachnamdinh.VN

*Với mục tiêu phục vụ tốt sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong những năm vừa qua, Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong ngành, cung ứng đủ SGK, TBGD phục vụ mục tiêu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, thay SGK mới. Chức năng hoạt động của Công ty là cung ứng sách và thiết bị cho dạy và học, góp phần nâng cao và phát triển chất lượng giáo dục tỉnh nhà.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là Phòng sách giáo khoa trực thuộc Sở GD-ĐT Nam Định từ năm 1983 đến năm 1992.

Đến tháng 10/1992, UBND tỉnh Nam Hà ra quyết định số 427/QĐ-UB ngày 11/10/1992 thành lập DNNN với tên gọi Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Hà.

Đến năm 1996, do tách tỉnh, Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Hà đổi tên thành Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Định.

Ngày 30/8/2004, Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ra Quyết định số 4891/QĐ-BGDĐT về việc tiếp nhận Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Định về NXB Giáo dục.

Ngày 29/12/2004, Bộ GD-ĐT ra quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Sách và Thiết bị trường học Nam Định trực thuộc NXB Giáo dục thành Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định (hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con).

Vốn điều lệ Công ty khi bắt đầu cổ phần hoá tháng 1/2005 là 3.000.000.000, đồng (Ba tỷ VND)

Tháng 6 năm 2007 vốn điều lệ tăng lên 10.000.000.000, đồng (Mười tỷ đồng) Được thành lập trên cơ sở vốn góp của các cổ đông và Nhà Xuất bản Giáo dục VN.

Năm 2014 NXBGD đã bán toàn bộ số cổ phần, vốn góp hiện nay là của các cổ đông.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0703000526 do sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Nam Định cấp, đăng ký lần đầu ngày 5 tháng 1 năm 2005 & thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 6 năm 2007. Thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 7 năm 2014 với mã số doanh nghiệp 0600004422. Thay đổi lần thứ 3 ngày 14/4/2015, thay đổi lần thứ 4 ngày 27/11/2015.

-Niêm yết :Ngày 09 tháng 10 năm 2007 UBCK nhà nước có Quyết định số 276/QĐ-TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty CP Sách –TBGD Nam Định & ngày 16 tháng 10 năm 2007 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán DST. Ngày 19 tháng 11 năm 2015 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 764/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định : Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 15.500.000 cổ phiếu (Mười lăm triệu năm trăm ngàn cổ phiếu), mệnh giá 10.000đồng/Cổ phiếu

3.Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh sách giáo khoa và các loại sách khác , thiết bị đồ dùng dạy học , văn phòng phẩm

Liên doanh liên kết , phát hành báo , tạp chí , tranh ảnh bản đồ , đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục .

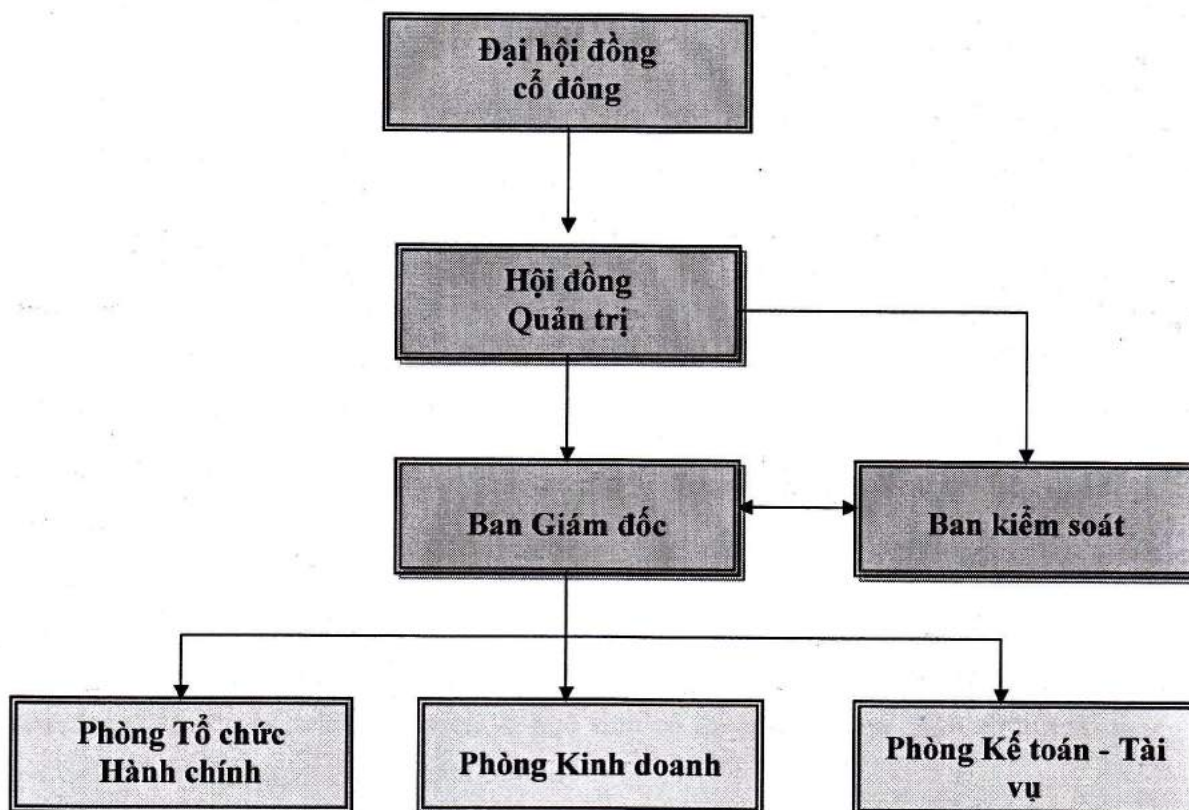
Kinh doanh bất động sản , quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu , chủ sử dụng hoặc đi thuê.

+Tình hình hoạt động : Trong quá trình xây dựng và phát triển, trải qua 33 năm (1983-2015) thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Công ty đã làm chủ thị trường sách giáo khoa, mở rộng mạng lưới đại lý cung ứng rộng rãi sách và thiết bị văn phòng phẩm, dụng cụ học tập đến tận các địa phương trong toàn tỉnh. Từ đó, Công ty phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu học tập của học sinh.

3. Thông tin mô hình quản trị , tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị : Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định hoạt động theo luật doanh nghiệp và hoạt động Công ty mẹ - Công ty con .

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



3.3 Công ty con :

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest
- Trụ sở: 206 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Vốn điều lệ: 150.304.500.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ ba trăm linh tư triệu năm trăm nghìn đồng)
- Tỷ lệ sở hữu : 99,99%%
- Ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ hỗ trợ ,tiếp thị và giới thiệu sản phẩm , dịch vụ chứng khoán cho các Công ty chứng khoán .
- 2.4 Chi nhánh Công ty :
- Tên chi nhánh : Chi nhánh công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định tại Hà Nội.
- Địa chỉ : 70 phố Nam Đồng , P Nam Đồng ,Q Đống Đa ,TP Hà Nội

4.Định hướng phát triển:

4.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững , phải bảo toàn được nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông , đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.

Với mục tiêu phục vụ tốt sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong những năm vừa qua, Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong ngành, cung ứng đủ SGK, TBGD phục vụ mục tiêu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, thay SGK mới. Chức năng hoạt động chính của Công ty là cung ứng sách và thiết bị cho dạy và học, góp phần nâng cao và phát triển chất lượng giáo dục tỉnh nhà.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của nhà nước để xử lý đối với nạn in lậu .

Phát huy hơn nữa cửa hàng bán lẻ ...

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý ,nhân sự... nâng cao vai trò tự chủ và hiệu quả hoạt động kinh doanh .

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Tập trung phát triển ngành nghề chủ đạo hiện có ,thực hiện chủ trương đa dạng hoá sản phẩm , tạo cơ hội cho giáo viên và học sinh có thêm nhiều lựa chọn những tài liệu tham khảo phù hợp với nhu cầu của mình .

Bên cạnh đó với lợi thế của riêng mình, Công ty đã có một hệ thống bạn hàng đã gắn bó với ngành giáo dục suốt mấy chục năm qua - hệ thống các phòng GD, trường

THPT, Sở GD trong tỉnh, các công ty sách và thiết bị trường học trên cả nước. Hệ thống này có chức năng cung cấp sách giáo dục, thiết bị dạy học tại địa phương. Hơn nữa Công ty cũng tự xây dựng được hệ thống đại lý rộng khắp tại Tỉnh Nam Định. Điểm mạnh của hệ thống đại lý là rất năng động và nhạy bén trong đánh giá nhu cầu thị trường.

Ngoài ra Công ty sẽ tiếp tục:

Mở rộng quy mô kinh doanh theo hướng phát triển thị trường thiết bị giáo dục và hệ thống bán lẻ sách, thiết bị trường học, văn phòng phẩm.

Mở rộng liên kết với các NXB và các công ty sản xuất thiết bị giáo dục trên toàn quốc..Năm 2015 và những năm tiếp theo sẽ tập trung quảng bá thương hiệu ,thu hút khách hàng , khai thác bán lẻ tại siêu thị Công ty ,mở rộng địa bàn phát hành các mặt hàng phục vụ trường học.

Mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh với quy mô lớn theo định hướng phát triển thị trường .

Chú trọng việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu Công ty Công ty.

4.3. Tài chính : Quản lý tài chính minh bạch công khai , thanh toán đầy đủ đúng hạn các khoản nợ vay , đảm bảo uy tín với các tổ chức tín dụng. Quản lý chặt chẽ với công nợ của từng khách hàng cụ thể . Huy động thêm vốn từ cổ đông khi có điều kiện thuận lợi và cần thiết .

5. Các nhân tố rủi ro

5.1.Rủi ro về biến động cổ phiếu trên thị trường chứng khoán :

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán , giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo quan hệ cung cầu trên thị trường và ảnh hưởng bởi các yếu tố tình hình hoạt động của Công ty , tình hình kinh tế -chính trị-xã hội ,yếu tố tâm lý của nhà đầu tư ... Do đó giá cổ phiếu của Công ty có những biến động khó lường .

5.2.Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định rất nhiều những cơ hội cũng như thách thức. Khi nền kinh tế có sự tăng trưởng thì các nhu cầu về giáo dục có sự gia tăng , thúc đẩy sự tăng trưởng cho các hoạt động kinh doanh trong ngành này và ngược lại ...

Những biến động về giá sách và thiết bị đầu vào, yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng tăng ... đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

5.3. Rủi ro về luật pháp

Là công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Khi đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Nghị định và các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định còn chưa cao, các quy định còn chồng chéo gây khó khăn cho hoạt động của Công ty nói riêng và của các doanh nghiệp nói chung.

Để hạn chế rủi ro này Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Sản xuất kinh doanh phù hợp.

5.4. Rủi ro đặc thù

Mặt hàng chủ yếu của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định là sách giáo khoa và thiết bị giáo dục, ngoài ra còn một số sản phẩm khác như vở học sinh...

Sách giáo khoa hàng năm được bổ sung, sửa đổi, cập nhật nội dung thường xuyên. Do đó trong trường hợp Công ty đặt kế hoạch nhập hàng lớn hơn nhu cầu trên địa bàn thì số sách giáo khoa tồn kho khó có thể tiêu thụ trong năm sau. Bên cạnh đó, do đặc thù về thời gian tiêu thụ cao điểm vào trước năm học mới, nên lượng hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động trong năm cũng như vòng quay hàng tồn kho biến động lớn.

Đối với sách tham khảo, kết quả kinh doanh của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu nhu cầu thị trường của Công ty. Tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gần với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản (NXB) và một số tư nhân là một khó khăn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty mà không dễ gì khắc phục được. Do sự hấp dẫn về doanh thu, nhiều NXB bắt đầu tham gia vào lĩnh vực xuất bản sách tham khảo. Những sách tham khảo bổ trợ

sách giáo khoa chỉ có NXBGD được quyền xuất bản nhưng một số nơi vẫn tìm cách xuất bản các loại sách hỗ trợ cho sách giáo khoa.

Nguyên vật liệu chính của sách là giấy in ruột và giấy in bìa. Giấy in ruột, giấy in bìa hàng năm luôn có biến động về giá cả. Giấy in ruột biến động là do bột giấy phải nhập khẩu và giấy in bìa cũng phải nhập khẩu do trong nước chưa sản xuất được, do đó phụ thuộc vào biến động giá của thị trường thế giới. Do Công ty nhập sách từ NXB Giáo dục, nên Công ty chịu ảnh hưởng gián tiếp từ việc tăng giá giấy in sách.

Với mặt hàng thiết bị giáo dục, Công ty cần cập nhật thường xuyên các yêu cầu kỹ thuật do tính đa dạng của sản phẩm. Đây là mặt hàng đặc thù, do đó đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị thuộc ngành giáo dục trong địa bàn tỉnh, có số lượng hạn chế.

Là một Công ty nằm dưới sự quản lý và điều tiết của Nhà xuất bản Giáo dục, hoạt động của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định chịu sự ảnh hưởng rất lớn trong biến động về chính sách của Nhà xuất bản Giáo dục.

Nền kinh tế thị trường cùng với sự cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải luôn nỗ lực để có thể đứng vững phát triển. Muốn vậy Công ty phải có bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết giàu kinh nghiệm. Đây chính là rủi ro thách thức đối với Công ty trong hiện tại và tương lai.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong (trong báo cáo hợp nhất)

ĐVT : VND

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2014	NĂM 2015(Hợp nhất từ 28.10.2015)	2015/2014 Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	Tỷ đồng	33,839	35,716	+5%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế		0,208	1,001	+480%
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành		0,067	0,216	+320%
4. Lợi nhuận sau thuế		0,141	0,784	+550%
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		141	351,8	

2. Tổ chức nhân sự :

-Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty bao gồm 1 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc. Giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Danh sách Ban Giám đốc hiện tại như sau:

<i>Ông Trần Quốc Hưng</i>	<i>Giám đốc</i>
<i>Bà Hứa Thị Anh Đào</i>	<i>Phó Giám đốc, Kế toán trưởng</i>
<i>Bà Đỗ Hồng Nhung</i>	<i>Phó Giám đốc</i>

Quyền lợi của ban giám đốc : hưởng lương theo hệ số chức vụ

-Số lượng cán bộ , nhân viên ,chính sách đối với người lao động:

Cùng với hoạt động kinh doanh, Công ty cũng chú trọng công tác xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ Công nhân viên của Công ty. Công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Công ty quan tâm phát triển.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động , Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH,BHYT,BHTN cho người lao động.Ngoài ra để cho người lao động có sức khỏe tốt yên tâm làm việc Công ty còn tổ chức cho người lao động được khám chữa bệnh định kỳ cho tất cả CBCNV

Công ty đã thực hiện tốt chế độ cấp phát trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc luôn thoáng mát, an toàn, sạch sẽ.

Tính đến 31/12/2015 Toàn thể CBCNV Công ty gồm 23 người trong đó: Nhân viên nữ 10 người,nhân viên nam 13 người

Cơ cấu theo trình độ lao động như sau: Đại học :15 người ,Cao đẳng :03,

Trung cấp :02 .Phổ thông :03

3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án :

Đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest (SI).Giá trị khoản vốn góp tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest chiếm 99.99% vốn điều lệ . Hoạt động chính của SI là cung cấp dịch vụ hỗ trợ , tiếp thị và giới thiệu các sản phẩm dịch vụ chứng khoán cho các Công ty chứng khoán .

Các chỉ tiêu tài chính của Smar Invest từ 28/10/2015- 31/12/2015

CHỈ TIÊU	ĐVT	28.10.2015)- 31.12.2015	
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	Tỷ đồng	1,219	
2. Tổng lợi nhuận trước thuế		0,883	
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành		0,036	
4. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0,154	
5. Lợi nhuận sau thuế		0,693	

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Bên cạnh việc tạo được sự tin cậy về chất lượng sản phẩm, Công ty luôn có một nền tảng quản trị bền vững cán bộ Công nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc

Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng lĩnh vực kinh doanh đa ngành nghề, tập chung khai thác tối đa siêu thị sách tại 13 Minh Khai, mở rộng liên doanh liên kết với các đối với các Công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục VN, các phòng ban chuyên môn Sở Giáo Dục

Tiếp tục tăng vốn điều lệ để mở rộng kinh doanh khi có điều kiện thuận lợi về thị trường.

Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là cung cấp sách và các thiết bị giáo dục cho các đại lý trên địa bàn tỉnh Nam Định. Vừa qua, Công ty đã mở rộng ngành nghề kinh doanh sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Về lĩnh vực này, DST đang có hoạt động cho thuê văn phòng tại Trụ sở chính của Công ty, 13 Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Như vậy, hoạt động kinh doanh của SI và DST có nhiều lĩnh vực tương đồng và có thể hỗ trợ lẫn nhau. Cụ thể, với hoạt động nghiên cứu thị trường và hỗ trợ đào tạo, SI có thể hỗ trợ DST về mạng lưới khách hàng, qua đó giúp cho DST cải thiện kênh phân phối sản phẩm. Bên cạnh đó, với hoạt động kinh doanh bất động sản, DST cũng có thể hợp tác với SI để phát triển dịch vụ cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn.

Đánh giá SI là đơn vị có năng lực tài chính vững mạnh, đội ngũ nhân sự nhạy bén cùng với tiềm năng phát triển của SI trong tương lai, việc DST mua lại phần vốn góp của các thành viên tại SI sẽ giúp cho DST tận dụng được tối đa các lợi thế từ SI. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, hoạt động kinh doanh sách của DST gặp nhiều khó khăn do sự biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, do chương trình và thiết bị học tập được cải tiến hàng năm,... Trước tình hình đó, ngoài việc tìm giải pháp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, chiến lược dài hạn của DST là tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng hoạt động đa ngành, đa nghề nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Do đó, việc DST mua lại vốn góp của các thành viên tại SI là bước đi đầu tiên trong kế hoạch dài hạn về tái cơ cấu tổng thể với mục tiêu trước mắt là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Tình hình tài chính năm 2015

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015 (BC hợp nhất)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần): <i>(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)</i>	Lần	2,93	16,99
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần): <i><u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u></i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	2,51	16,40
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23	5
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30	5
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	23,40	32,44
<i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho bình quân</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	250	20
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,42	2,19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		1,35	0,47
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		1,04	0,5
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0,14	0,76

III: BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC :

1. Tình hình tài chính :

-Trích khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20-50
Phương tiện vận tải	5-9
Dụng cụ quản lý	3-7

– Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ phải trả

-Tích cực thu hồi Công nợ khách hàng đạt 75%-80%

– Các khoản phải nộp theo luật định:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Đối với hoạt động bán sách giáo khoa, sách tham khảo thuộc đối tượng không chịu thuế; hoạt động bán thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; hoạt động bán thiết bị tài liệu khác như tem, nhãn, mẫu biểu, một số thiết bị khác, ... áp dụng thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 22% trên lợi nhuận chịu thuế

Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Hiện tại, Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

Sau đây là bảng thống kê thuế và các khoản đã nộp 2014 và 2015 của Công ty:

Năm	Năm 2014	Năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.294.188	151.402.155

– Trích lập các quỹ theo luật định:

+ Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2015 là 0 %

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2014 : 141 triệu chưa phân phối trích lập

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2015: 785 triệu chưa phân phối trích lập

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng Quản trị thống nhất và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông qua và trình đại hội cổ đông biểu quyết, Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Số dư các quỹ vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm tài chính như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

CÁC QUỸ	31/12/2014	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	241.971.737	241.971.737
Quỹ khen thưởng		
Tổng cộng	241.971.737	241.971.737

- Tình hình công nợ hiện nay: Số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm tài chính như sau:

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: VNĐ

Các khoản phải thu	31/12/2014	31/12/2015
Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu của khách hàng	7.489.548.166	4.625.454.614
Trả trước cho người bán	87.686.183	80.397.237
Các khoản phải thu khác	25.456.040	623.876.643
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn		15.000.000.000
Tổng cộng	7.602.690.359	20.329.728.494

Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Nợ ngắn hạn	3.149.315.374	1.911.914.368
Vay & nợ ngắn hạn		
Phải trả người bán	3.006.883.256	1.498.195.921
Người mua trả tiền trước	35.867.950	24.948.847
Thuế & các khoản phải nộp NN	93.906.310	342.604.967
Phải trả người lao động	1.335.520	3.035.892
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.387.868	43.128.741
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.934.470	0
Nợ dài hạn		7.153.460.850
Phải trả dài hạn khác	0	7.000.000.000
Thuế TNDN hoãn lại phải		153.460.850

Trong nợ ngắn hạn, khoản lớn nhất là phải trả người bán, chiếm từ 70% đến 80% các khoản vay và nợ ngắn hạn.

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015

Các chỉ tiêu chính :**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong (trong báo cáo hợp nhất)**

ĐVT : VND

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2014	TH2015 (Công ty mẹ)	TH 2015(hợ p nhất từ 28.10.20 15)	
1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	Tỷ	33,839	34,497	35,716	
2. Tổng lợi nhuận trước thuế		0,208	0,117	1,001	
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành		0,067	0,026	0,216	
4. Lợi nhuận sau thuế		0,141	0,091	0,784	
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		141	91	351,8	

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Giữ vững được mối quan hệ với lãnh đạo sở giáo dục và các phòng ban chuyên môn của sở giáo dục
- Tiếp thị tốt nhất là các trường THPT trong tỉnh
- Cơ chế bán hàng linh hoạt điều chỉnh phù hợp theo thời điểm
- Tinh thần thái độ phục vụ khách hàng tốt

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

+ Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

+ Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí nâng cao năng lực cạnh tranh.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

Trong những năm qua các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định ,đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty do đơn vị kiểm toán độc lập là đơn vị nằm trong danh sách các đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị niêm yết đó là Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC VÀ Công ty TNHH kiểm toán VaCo

2015 đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính là Công ty TNHH kiểm toán VaCo

***Sau đây là Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2015 :**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Số 13 Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Trường Giang
Ông Đặng Quốc Toàn
Ông Đặng Quốc Toàn
Bà Trần Thị Thúy Hằng
Ông Vũ Quang Tiếp
Bà Đỗ Hồng Nhung
Ông Trần Quốc Hưng
Ông Đoàn Quyết Thắng
Ông Phạm Anh Tuấn
Ông Nguyễn Việt Đức

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/04/2015)

Ban Giám đốc

Ông Trần Quốc Hưng
Bà Hứa Thị Anh Đào
Bà Đỗ Hồng Nhung

Giám đốc
Phó Giám đốc (Kiểm Kế toán trưởng)
Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/01/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty,

Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

1.2

1.3 Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29/03/2016, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Tại ngày 28/10/2015, Công ty đã hoàn tất các thủ tục mua lại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest với tỷ lệ sở hữu 99,99% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 28/10/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest.

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.465.648.965	9.236.238.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.919.979.046	288.682.795
1. Tiền	111	5	10.919.979.046	288.682.795
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.329.728.494	7.602.690.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.625.454.614	7.489.548.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		80.397.237	87.686.183
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	15.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	623.876.643	25.456.040
III. Hàng tồn kho	140	9	1.006.861.155	1.344.865.417
1. Hàng tồn kho	141		1.120.382.259	1.377.327.417
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(113.521.104)	(32.462.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		209.080.270	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	163.680.237	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	45.400.033	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.661.504.119	4.323.352.491
I. Tài sản cố định	220		124.757.520.412	4.323.352.491
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.453.020.412	4.323.352.491
- Nguyên giá	222		6.624.878.582	6.215.264.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.171.858.170)	(1.891.911.596)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	120.304.500.000	-
- Nguyên giá	228		120.304.500.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		563.140.145	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		563.140.145	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	16.700.000.000	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.700.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		640.843.562	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	640.843.562	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		175.127.153.084	13.559.591.092

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.065.375.218	3.149.315.374
I. Nợ ngắn hạn	310		1.911.914.368	3.149.315.374
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.498.195.921	3.006.883.256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.948.847	35.867.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	342.604.967	93.906.310
4. Phải trả người lao động	314		3.035.892	1.335.520
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	43.128.741	5.387.868
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	5.934.470
II. Nợ dài hạn	330		7.153.460.850	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	7.000.000.000	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		153.460.850	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.061.777.866	10.410.275.718
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	166.061.777.866	10.410.275.718
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		266.203.333	414.720.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(437.449.533)	(437.449.533)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		925.937.581	141.033.514
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		141.033.514	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		784.904.067	141.033.514
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.114.748	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		175.127.153.084	13.559.591.092

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	35.755.510.766	33.890.412.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	39.291.230	51.357.593
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		35.716.219.536	33.839.055.223
4. Giá vốn hàng bán	11	20	32.638.841.191	31.442.768.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.077.378.345	2.396.286.710
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	477.135.177	166.735.396
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	1.545.399.436	1.468.094.771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.734.554.844	1.046.675.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		274.559.242	48.251.485
11. Thu nhập khác	31	24	749.868.744	160.436.661
12. Chi phí khác	32	25	23.346.510	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		726.522.234	160.436.661
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.001.081.476	208.688.146
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		62.701.651	67.654.632
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		153.460.850	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		784.918.975	141.033.514
<u>Trong đó:</u>				
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			784.904.067	
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			14.908	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	351,8	141,0

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		38.220.934.220	33.354.465.226
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34.876.759.391)	(34.341.495.045)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.621.481.157)	(922.614.819)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(151.402.155)	(132.294.188)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.528.813.156	165.244.891
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.859.580.769)	(426.945.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.240.523.904	(2.303.639.577)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(134.622.472.663)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.245.010	4.042.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(149.609.227.653)	4.042.800
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		155.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(437.449.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		155.000.000.000	(437.449.533)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		10.631.296.251	(2.737.046.310)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		288.682.795	3.025.729.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70		10.919.979.046	288.682.795

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm
2016

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp ngày 05/01/2005; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2014 với mã số doanh nghiệp là 0600004422; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600004422 thay đổi lần thứ 4 ngày 27/11/2015. Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng; Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã DST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 23 người (tại ngày 01/01/2015 là 23 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác. Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm.
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định có trụ sở chính tại Số 13, phố Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Ngoài ra Công ty có một chi nhánh hạch toán phục thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định tại Hà Nội có địa chỉ tại số 70 Phố Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp mã số Chi nhánh 0600004422-002 ngày 16 tháng 10 năm 2015.
- Công ty con - Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest, Công ty mẹ sở hữu 99,99% vốn điều lệ Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó để đảm bảo khả năng so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được trình bày lại như tại Thuyết minh số 25 - Số liệu so sánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sách Nam Định và báo cáo tài chính của 01 (một) Công ty con - Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Công ty với Công ty con đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

Bên liên quan

Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty

Mối quan hệ

Ban lãnh đạo và Chủ sở hữu Công ty

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Đối với sách chậm luân chuyển, Ban Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng dự phòng giảm giá sách dựa trên kinh nghiệm trong những năm qua. Năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập 100% trên giá bìa một số hàng sách. Theo đó, giá trị của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển đã được trích lập lũy kế đến 31/12/2015 là 113.521.104 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 32.462.000 đồng).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 09
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.931.138.697	223.264.389
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.988.840.349	65.418.406
Cộng	10.919.979.046	288.682.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.625.454.614	7.489.548.166
Khách hàng vờ luyện CI(Giao Thủy)	494.827.370	509.811.406
Khách hàng vờ luyện CI(Trực Ninh)	84.889.396	739.960.680
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	148.510.464	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	94.696.224	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán KIS Việt Nam	90.410.979	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	37.714.177	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	30.207.889	-
Các đối tượng khác	3.644.198.115	6.239.776.080

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	623.876.643	-	25.456.040	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu tạm ứng	205.167.822	-	22.976.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	361.383.333	-	-	-
- Phải thu người lao động (thuế TNCN)	56.984.820	-	-	-
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	340.668	-	2.480.040	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND		VND
Trần Minh Hoàng	3.000.000.000	-	-	-
Ngô Thị Thuận	3.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Duy Linh	3.000.000.000	-	-	-
Hoàng Đức Thuận	3.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Quang Lộc	3.000.000.000	-	-	-
Cộng	15.000.000.000	-	-	-

Giải chú: Đây là các khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng cho vay số 01/HĐV-SI, Hợp đồng số 02/HĐV-SI, Hợp đồng số 03/HĐV-SI, Hợp đồng số 04/HĐV-SI và Hợp đồng số 05/HĐV-SI ký ngày 29/12/2015. Thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng là 30/12/2015. Lãi suất cho vay áp dụng là 4%/năm.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	1.120.382.259	(113.521.104)	1.377.327.417	(32.462.000)
Cộng	1.120.382.259	(113.521.104)	1.377.327.417	(32.462.000)

Trong năm, Công ty đã trích lập thêm dự phòng cho hàng tồn kho giảm giá trị tại thời điểm lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là 81.059.104 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	163.680.237	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	163.680.237	-
b) Dài hạn	640.843.562	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	640.843.562	-

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	4.974.932.590	687.247.857	553.083.640	6.215.264.087
Tại ngày 31/12/2015	4.974.932.590	687.247.857	962.698.135	6.624.878.582
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	777.335.236	570.492.720	544.083.640	1.891.911.596
- Khấu hao trong năm	106.170.700	60.866.974	112.908.900	279.946.574
Tại ngày 31/12/2015	883.505.936	631.359.694	656.992.540	2.171.858.170
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	4.197.597.354	116.755.137	9.000.000	4.323.352.491
Tại ngày 31/12/2015	4.091.426.654	55.888.163	305.705.595	4.453.020.412

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 748.988.370 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 703.988.370 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
- Tăng khác	120.304.500.000	120.304.500.000
Tại ngày 31/12/2015	120.304.500.000	120.304.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	120.304.500.000	120.304.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
- Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty TNHH Giáo dục toàn cầu	16.700.000.000	-	16.700.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Nam	4.700.000.000	-	4.700.000.000	-	-	-
Liên Kết	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-	-
Ngân Hàng TMCP BIDV Việt Nam	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-	-	-
Cộng	16.700.000.000	-	16.700.000.000	-	-	-

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.498.195.921	1.488.195.921	3.006.883.256	3.006.883.256
- Nhà Sách Minh Đức	658.488.400	658.488.400	1.615.643.050	1.615.643.050
- Công ty TNHH MTV Sông hồng An Dương	250.149.000	250.149.000	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Thiên Phú	206.400.000	206.400.000	-	-
- Nhà sách giáo dục Bình Minh GoBi	127.246.800	127.246.800	399.711.000	399.711.000
- CN Công ty Cổ Phần Tổ Chức Dịch Vụ Quốc Tế Hà Nội	89.700.000	89.700.000	-	-
- Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Hà Tây	-	-	475.684.600	475.684.600
- Công ty TNHH Tứ Phương	69.126.750	69.126.750	-	-
- Công ty Cổ phần Sách dân tộc	-	-	390.931.580	390.931.580
- Đối tượng khác	97.084.971	87.084.971	124.913.026	124.913.026

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	50.760.038	1.642.112.074	1.576.043.568	116.828.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.654.632	256.687.578	298.481.540	860.670
Thuế thu nhập cá nhân	491.640	245.200.469	20.776.356	224.915.753
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.460.000	8.460.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.620.000	2.620.000	-
Các loại thuế khác	-	17.587.184	17.587.184	-
Cộng	93.906.310	2.172.667.305	1.923.968.648	342.604.967
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	45.400.033	45.400.033
Cộng	-	-	45.400.033	45.400.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.087.318	1.834.212
- Bảo hiểm xã hội;	30.951.053	-
- Bảo hiểm y tế;	4.567.500	-
- Phải trả về cổ phần hoá;	1.596.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	926.870	3.553.656
Cộng	<u><u>43.128.741</u></u>	<u><u>5.387.868</u></u>
b) Dài hạn		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest (i)	7.000.000.000	-
Cộng	<u><u>7.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Ghi chú: (i) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2312/2015 ngày 23/12/2015 với Công ty Cổ phần chứng khoán Smart Invest. Công ty Cổ phần chứng khoán Smart Invest góp vốn không tính lãi để xây dựng nhà văn phòng Smart Invest tại địa chỉ số 222+224 phố Tây Sơn và 220 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội.

MẪU SỐ B 09-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	10.000.000.000	414.720.000	-	239.768.370	119.778.873	106.334.505	-	-	10.880.601.748	
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	141.033.514	-	-	141.033.514	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	50.000.000	50.000.000	(106.334.505)	-	-	(6.334.505)	
Giảm khác	-	-	-	-	(167.575.506)	-	-	-	(167.575.506)	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(437.449.533)	-	-	-	-	(437.449.533)	
Số dư tại ngày 31/12/2014	10.000.000.000	414.720.000	(437.449.533)	289.768.370	2.203.367	141.033.514	-	-	10.410.275.718	
nếu được trình bày năm trước										
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	2.203.367	(2.203.367)	-	-	-	-	
Số dư tại ngày 01/01/2015	10.000.000.000	414.720.000	(437.449.533)	291.971.737	-	141.033.514	-	-	10.410.275.718	
nếu được trình bày lại										
Số dư tại thời điểm hợp nhất 28/10/2015	10.000.000.000	414.720.000	(437.449.533)	291.971.737	-	141.033.514	-	-	10.410.275.718	
Tăng vốn trong năm (i)	155.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	155.000.000.000	
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	784.904.067	-	-	784.904.067	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	15.114.748	-	15.114.748	
Chi phí phát hành cổ phiếu (i)	-	(148.516.667)	-	-	-	-	-	-	(148.516.667)	
Số dư tại ngày 31/12/2015	165.000.000.000	266.203.333	(437.449.533)	291.971.737	-	925.937.581	15.114.748	-	166.061.777.866	

Ghi chú: (i) Trong năm Công ty đã phát hành 15.500.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 165.000.000.000 đồng theo Biên bản họp Đại hội cổ đông số 01/2015/BB-ĐHCD ngày 04/04/2015 và đã phát sinh chi phí phát hành với số tiền 148.516.667 đồng làm giảm thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2015.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	165.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	165.000.000.000	10.000.000.000
b) Các giao dịch về vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	165.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	155.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	165.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
c) Cổ phiếu	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.419.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.419.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
d) Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Trong năm, Công ty đã xử lý xóa sổ khoản công nợ phải thu khó đòi đối tượng Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hải Cường với số tiền 22.215.510 đồng theo Biên bản làm việc ngày 31/12/2015 do đối tượng nợ là Giám đốc cũ của Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hải Cường đã mất.

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	34.243.812.496	33.890.412.816
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.511.698.270	-
Cộng	35.755.510.766	33.890.412.816
Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2015	Năm 2014
	39.291.230	51.357.593
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán;	39.291.230	51.357.593

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.832.571.703	31.442.768.513
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	727.202.698	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	79.066.790	-
Cộng	32.638.841.191	31.442.768.513

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	374.632.789	4.042.800
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	102.502.388	162.692.596
Cộng	477.135.177	166.735.396

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	407.953.011	358.925.977
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	316.526.963	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	178.863.262	162.810.396
Thuế, phí và lệ phí	8.025.152	12.271.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	823.186.456	512.667.913
Cộng	1.734.554.844	1.046.675.850
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.030.256.993	743.591.514
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.371.750	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.227.274	13.227.272
Thuế, phí và lệ phí	6.853.927	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.537.012	683.740.019
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	102.152.480	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	27.535.966
Cộng	1.545.399.436	1.468.094.771

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.438.210.004	1.102.517.491
Chi phí nhân công	192.090.536	176.037.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.634.774.661	1.202.936.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.879.079	33.279.019
Chi phí khác bằng tiền	3.279.954.280	2.514.770.621
Cộng	3.279.954.280	2.514.770.621

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

24. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi từ giao dịch mua rẻ	700.612.562	-
Các khoản khác	49.256.182	-
Cộng	749.868.744	160.436.661

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	22.215.510	-
Nộp phạt tiền thuế	1.131.000	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	23.346.510	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	784.918.975	141.033.514
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.231.426	1.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	351,8	141,0

Cộng ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2014 và 2015.

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác; sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm; liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục; không có hoạt động kinh doanh khác. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 13 Minh Khai, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Công ty có Chi nhánh hoạt động phụ thuộc tại địa chỉ số 70 phố Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Nam Định tuy nhiên đến ngày lập báo cáo tài chính này Chi nhánh tạm thời chưa phát sinh hoạt động. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Do Công ty không có khoản nợ vay nào nên hệ số đòn bẩy tài chính bằng 0.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.919.979.046)	(288.682.795)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	166.061.777.866	10.410.275.718
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,00%</u>	<u>0,00%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.919.979.046	288.682.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.249.331.257	7.515.004.206
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	16.700.000.000	-
Tổng cộng	<u>32.869.310.303</u>	<u>7.803.687.001</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.541.324.662	3.012.271.124
Tổng cộng	<u>8.541.324.662</u>	<u>3.012.271.124</u>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 ("Thông tư 210") của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

28 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Sau 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.919.979.046	-	-	10.919.979.046
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.249.331.257	-	-	5.249.331.257
Đầu tư tài chính dài hạn	-	16.700.000.000	-	16.700.000.000
Tổng cộng	16.169.310.303	16.700.000.000	-	32.869.310.303
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.541.324.662	7.000.000.000	-	8.541.324.662
Tổng cộng	1.541.324.662	7.000.000.000	-	8.541.324.662
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.627.985.641	9.700.000.000	-	24.327.985.641
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	-	-	288.682.795
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.515.004.206	-	-	7.515.004.206
Tổng cộng	7.803.687.001	-	-	7.803.687.001
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	3.012.271.124	-	-	3.012.271.124
Tổng cộng	3.012.271.124	-	-	3.012.271.124
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.791.415.877	-	-	4.791.415.877

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Thành viên hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc:

Mối quan hệ

Chủ sở hữu và Ban điều hành

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền lương, thưởng Ban Giám đốc	471.571.798	145.982.932

30.SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải thu ngắn hạn khác	2.480.040	22.976.000	25.456.040
Tài sản ngắn hạn khác	22.976.000	(22.976.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	289.768.370	2.203.367	291.971.737
Quỹ dự phòng tài chính	2.203.367	(2.203.367)	-

Hứa Thị Anh Đào
Người lập biểu
Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Hứa Thị Anh Đào
Kế toán trưởng

Lê Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Tổ chức nhân sự

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty gồm 5 (năm) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Danh sách Hội đồng quản trị hiện tại như sau:

Ông Lê Trường Giang	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên HĐQT
Bà Đỗ Hồng Nhung	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Quang Tiếp	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Quốc Toàn	Thành viên HĐQT

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát bao gồm 3 (ba) thành viên, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Danh sách Ban kiểm soát hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Anh Chiến	Trưởng BKS
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên BKS
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên BKS

2. Hoạt động của hội đồng quản trị

Trong năm 2015 HĐQT đã tổ chức 20 cuộc họp hàng tháng, quý, bất thường để triển khai kịp thời những chỉ đạo của HĐQT với đầy đủ 100% Thành viên HĐQT tham dự

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

Các Nghị quyết HĐQT ban hành đều được sự thống nhất và đồng thuận cao của các thành viên.

Nội dung các cuộc họp :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT	03/01/2015	Bổ nhiệm bà Đỗ Hồng Nhung giữ chức vụ Phó giám đốc ,
2	02/NQHĐQT	03/01/2015	QĐ đơn giá tiền lương năm 2014
3	03/NQHĐQT	20/03/2015	Thông qua các văn bản , giấy tờ chuẩn bị việc tổ chức đại hội cổ đông TN năm 2015
4	04/NQHĐQT	04/04/2015	Bầu ông Lê trường Giang giữ chức vụ CTHĐQT
5	05/NQHĐQT	13/4/2015	Miễn nhiệm TV ban kiểm soát bà Ngô Thùy Trang. Bổ xung 01 TV ban kiểm soát ông Hà Tuấn Sơn
6	06/QĐ/HĐQT	14/4/2015	Thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho CĐ hiện hữu năm 2015
7	07/QĐ/HĐQT	14/4/2015	Thông qua hồ sơ phát hành CP cho CĐ hiện hữu năm 2015
8	08/NQ/HĐQT	07/5/2015	Tiến hành soát xét BCTC Q1/2015
9	09/NQ/HĐQT	01/6/2015	ủy quyền cho ô Trần Quốc Hưng , giám đốc cty thực hiện các công việc kinh doanh
10	10/NQ/HĐQT	22/6/2015	Phương án xử lý trong TH không thu đủ số tiền như dự kiến của đợt chào bán CP ra công chúng
11	11/NQHĐQT	27/8/2015	Thông qua ngay đăng ký cuối cùng phát hành

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

			cổ phiếu ra Công chứng 16/9/2015
12	12/NQHĐQT	12/10/2015	Thành lập chi nhánh Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo Dục Nam Định tại Hà Nội
13	13/NQHĐQT	13/10/2015	Quyết định người đứng đầu chi nhánh Công ty tại Hà Nội là Ông Lê trường Giang (CTHĐQT Công ty)
14	14/NQHĐQT	16/10/2015	Thông qua quy chế tài chính cty CP Sách và TBGD Nam Định năm 2015...
15	15/NQHĐQT	23/10/2015	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ mà cổ đông không hiện hữu không mua hết
16	16/NQHĐQT	27/10/2015	Mua lại phần vốn góp của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smartinvest
17	17/NQHĐQT	28/10/2015	Thanh lý hợp đồng BCTC năm 2015 với cty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHYACA
18	18/NQHĐQT	30/10/2015	Sửa đổi bổ sung vốn điều lệ Công ty 165.000.000.000,đồng
19	19/NQHĐQT	9/11/2015	Thực hiện thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty theo vốn điều lệ mới 165 000 000 000,đồng
20	20/NQHĐQT	03/12/2015	Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2015

+Trong năm 2015,HĐQT đã thực hiện việc giám sát , chỉ đạo đối với Ban giám đốc và cán bộ quản lý trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

+HĐQT luôn chú trọng chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của luật doanh nghiệp , điều lệ của Công ty và quy chế quản trị Công ty .

+HĐQT thường xuyên giám sát ban điều hành trong việc tổ chức và thực hiện các nghị quyết HĐQT, Nghị quyết đại hội Cổ đông...

+Trong năm 2015 Các thành viên trong HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách ,nhiệm vụ của mình .

Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2015 không có

Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong ban điều hành :

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

– Sơ yếu lý lịch tóm tắt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %
1	Lê Trường Giang	CTHĐQT	03/1984	Hà Nội	0	
2	Đỗ Hồng Nhung	HDQT-PGD	08/1982	Hà Nội	0	
3	Trần Thị Thúy Hằng	HDQT	11/1987	Hà Nội	800,403	7,85%
4	Vũ Quang Tiệp	HDQT	08/1988	Hà nội	807.550	4,89%
5	Đặng Quốc Toàn	HDQT	07/1978	Hà Nội	0	0%
6	Trần Quốc Hưng	GD	3/1970	NamĐịnh	3 700	0,02%
7	Hứa Thị Anh Đào	PG Đ-KTT	12/1962	NamĐịnh	0	0%
8	Nguyễn Anh Chiến	TBKS	07/1981	Hà Nội		
9	Phạm Minh Đức	BKS	06/1981	Hà Nội		
10	Hà Tuấn Sơn	BKS	11/1982	Hà Nội		
	Cộng					

3.Thông tin cổ đông /thành viên góp vốn

a/ Cổ phiếu :

-Cổ phiếu phổ thông : 16.500,00

-Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 16.419.000

-Số lượng cổ phiếu quỹ :81.000

b/Cơ cấu cổ đông góp vốn :

Theo danh sách cổ đông góp vốn chốt ngày 8 /4/2016 để tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2016. Công ty có cổ đông cơ cấu như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN DST NĂM 2015

-Tổ chức trong nước : Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định :CP quỹ 81.000,cổ phần , chiếm tỷ lệ 0,49%

-Cá nhân trong nước :179 cổ đông ,sở hữu 16.410.900 cổ phần ;chiếm tỷ lệ 99,461%,

- Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài : 05cổ đông , sở hữu 8.100cổ phần ,chiếm tỷ lệ 0,049%

c/Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu : Trong năm 2015 Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 165 tỷ.

d/Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2015 : Không giao dịch

Nam Định, Ngày 15 tháng 4 năm 2016

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ TRƯỜNG GIANG